

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 29-01-2021
V/v “Tranh chấp dân sự về
hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trường Tam
2. Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 2, ấp BT, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 40, ấp BT, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn Y trả tổng số tiền còn nợ là 19.000.000 đồng. Sau đó, chị L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 7.000.000 đồng. Chị L chỉ yêu cầu vợ chồng bà P trả tổng số là 12.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất. Cụ thể bà P tham gia các dây hội như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-01-2019 dương lịch, mãn ngày 10-02-2020 dương lịch, gồm 14 phần, tiền cò 400.000 đồng/phần, bà P tham gia 01 phần (danh sách hội viên ghi tên Út Y là chồng bà P), bà P hốt hội vào kỳ hội thứ 02 là tháng 02 năm 2019 dương lịch, kêu hội 300.000 đồng, hốt hội được số tiền 9.400.000 đồng, trừ tiền cò 400.000 đồng, còn lại số tiền hốt hội là 9.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30-3-2019 dương lịch, mãn ngày 30-11-2020 dương lịch, gồm 21 phần, tiền cò 500.000 đồng/phần, bà P tham gia 01 phần (danh sách hội viên ghi tên Út Y là chồng bà P), bà P hốt hội vào kỳ hội thứ 02 là tháng 4 năm 2019 dương lịch, kêu hội 360.000 đồng, hốt hội được số tiền 13.160.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng, còn lại số tiền hốt hội 12.660.000 đồng.

Cả hai dây hội chị L có lập danh sách hội viên đưa cho bà P, khi nhận tiền hội bà P có ký nhận. Chị L không tính được cụ thể số tiền hội chết tính đến mãn của hai dây hội do sau khi hốt hội bà P đóng hội chết không đầy đủ. Sau đó, chị L và bà P có làm giấy gút nợ, bà P có ký tên với nội dung còn nợ chị L tổng số tiền của hai dây hội là 20.000.000 đồng, bà P có trả được tổng số tiền 8.000.000 đồng (trước khi khởi kiện trả 1.000.000 đồng, sau khi khởi kiện trả 7.000.000 đồng), nên còn nợ lại số tiền 12.000.0000 đồng.

Ông Y là chồng bà P, có biết việc bà P tham gia hội và hốt hội. Vì vậy, chị L yêu cầu ông Y phải có trách nhiệm trả nợ chung với bà P. Ngoài ra, chị L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị L. Bà có tham gia hai dây hội do chị L làm chủ, đã hốt hội và còn nợ lại chị L số tiền hội chết 20.000.000 đồng. Sau đó, bà có trả cho chị L hai lần với tổng số tiền 8.000.000 đồng, còn nợ lại và đồng ý trả cho chị L số tiền 12.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Y để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Y không đến và không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 147, 217, 219; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hui, họ, phường: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền hui là 7.000.000 đồng; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc bà P và ông Y có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền hui là 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị L, bị đơn bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Loan yêu cầu vợ chồng bà P trả số tiền mượn là 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác định là nợ hui và cung cấp các giấy hui nên chuyển thành quan hệ pháp luật là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui”.

[1.3] Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu bà P và ông Y phải trả số tiền 19.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền góp hui là 7.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị L yêu cầu bà P và ông Y phải trả số tiền hui còn nợ là 12.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà P thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho chị L số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hui, họ, phường

[2.2] Đối với ông Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ đối với bà P là vợ của ông Y xác định, các lần Tòa án triệu tập ông Y để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử thì bà P có giao lại các văn bản tố tụng này cho ông Y, nhưng do ông Y bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể thu thập chứng cứ từ ông Y để xác định tiền nợ của chị Loan là nợ chung hay nợ riêng của bà Phượng.

[2.3] Xét nghĩa vụ trả nợ thì thấy: Khi tham gia hui và hốt hui bà P đang sống chung với ông Y, ông Y có biết và bà P xác định lấy tiền hốt hui để dùng vào mục đích sinh hoạt, chi tiêu chung trong gia đình, không sử dụng cho mục

đích cá nhân. Vì vậy, có căn cứ xác định số tiền nợ 12.000.000 đồng là nợ chung của bà P và ông Y nên cần buộc ông Y có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả số nợ trên cho chị L là phù hợp theo quy định tại các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bà P và ông Y phải chịu án phí đối với số tiền có nghĩa vụ trả là 12.000.000 đồng $\times 5\% = 600.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 217, 219; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hội, họ, phường.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn Y về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội”.

Buộc bà P và ông Y có nghĩa vụ trả cho chị Loan số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Ghi nhận chị L không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền hội là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà P và ông Y phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012246 ngày 06-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Yên vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên